

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **48/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 20/9/2017

V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Thanh Miện.

2/ Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung- Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐXX- ST ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Ngô Thúy B, sinh năm 1980- Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 2, thôn H, xã Q, huyện H, Bắc Giang.

- Bị đơn: anh Đào Hải S, sinh năm 1977- Có mặt

Địa chỉ: Xóm 1, thôn H, xã Q, huyện H, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 09/5/2017, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (chị Ngô Thúy B) trình bày: chị và anh Đào Hải S kết hôn có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, Bắc Giang ngày 16/11/2001. Sau khi kết hôn chị về nhà anh S làm dâu ngay, sống chung cùng gia đình anh S. Trong quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc được 5 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm và mâu thuẫn gia đình, anh S không tu chí làm ăn, hay uống rượu và khi say rượu thì về đánh đập chửi bới chị và gia đình chị, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã. Chị cũng đã khuyên bảo anh S nhiều lần và cũng đã tha thứ cho anh S nhiều nhưng anh S không thay đổi được tính tình. Vì vậy, chị đã bỏ về nhà của mẹ đẻ ở từ ngày 15/9/2014, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan hệ tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng có được gia đình hai bên động viên hòa giải

nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Hải S.

Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có hai con chung là Đào Hương T, sinh ngày 29/11/2002 và Đào Duy Tr, sinh ngày 19/4/2010, hiện nay các cháu đang ở với chị và vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng chị với mức là 500.000đ/1 con/1 tháng cho đến khi con chung của vợ chồng đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm công nhân lương hàng tháng là 5 triệu đồng/1 tháng. Hiện nay chị không có thai.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Chị B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay, ruộng canh tác, công sức không có, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn (anh Đào Hải S) trình bày: anh và chị B kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 16/11/2001 như chị B trình bày là đúng. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình, đến khoảng năm 2012 thì vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu vẫn bình thường, đến năm 2002 sau khi sinh con gái lớn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bố mẹ anh nói chị B không gọn gàng nên chị B đã tự ái bỏ về nhà mẹ đẻ, được khoảng 2-3 tháng sau thì chị B lại về nhà anh xin lỗi nên vợ chồng lại đoàn tụ. Đến khoảng tháng 6/2014 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn như chị B trình bày do anh uống rượu là đúng nhưng anh không đánh đập chửi bới chị B và anh cũng chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do điều kiện kinh tế khó khăn, anh có một lần đánh chị B do chị B chửi gia đình anh, ngoài ra vợ chồng cũng hay cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân được khoảng 4 năm nay, anh đã nhiều lần xuống nhà mẹ đẻ chị B để khuyên về đoàn tụ nhưng chị B không về và còn đuổi anh về. Sau khi ly thân hai bên gia đình không hòa giải và địa phương cũng không tổ chức hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị B vẫn còn, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau để nuôi dạy con. Trường hợp chị B vẫn cương quyết xin ly hôn anh cũng không đồng ý vì lý do anh muốn con chung của vợ chồng có cả bố và mẹ cùng nhau nuôi dạy con, ngoài ra anh không có lý do nào khác.

Về con chung: Anh S xác định vợ chồng có hai con chung là Đào Hương T, sinh ngày 29/11/2002 và Đào Duy Tr, sinh ngày 19/4/2010, hiện nay các cháu khi ở với chị B khi thì ở với anh nhưng thời gian ở với chị B là nhiều hơn, các cháu vẫn phát triển bình thường. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh được nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh vì anh xác định đủ điều kiện nuôi con một mình. Hiện nay anh đang làm nghề xây dựng, lắp điện nước, thu nhập bình quân hàng tháng được hơn 8.000.000đ, ngoài ra ông bà nội cũng chu cấp thêm cho các cháu.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác: Anh S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017 của chị Bích đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị B và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H, Bắc Giang được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị B thấy rằng: qua các chứng cứ do các bên xuất trình, được biết: vợ chồng chị B, anh S từ khi kết hôn đã có thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm nhưng tình cảm vợ chồng đã không duy trì phát triển được và đã phát sinh mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh S hay uống rượu và có đánh chửi chị B, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh S còn cho rằng mâu thuẫn vợ chồng còn xuất phát từ điều kiện kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng do vậy, năm 2014 chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Chị B có đơn xin ly hôn, quá trình thụ lý giải quyết, tại Tòa án và phiên tòa anh S không đồng ý ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin về đoàn tụ nhưng anh cũng xác định không có biện pháp gì để gọi chị B về đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương cũng xác định mâu thuẫn giữa chị B và anh S năm 2014 địa phương đã tổ chức hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh S vẫn không cải thiện được gì, vợ chồng vẫn sống ly thân, vì vậy địa phương xác định vợ chồng chị B, anh S khó có thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh S đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết cho chị B được ly hôn anh S là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị B cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của hai bên thấy rằng: chị B và anh S đều xác định vợ chồng có một hai chung là Đào Hương T, sinh ngày 29/11/2002 và Đào Duy Tr, sinh ngày 19/4/2010, hiện nay các cháu khi ở với chị B khi thì ở với anh nhưng thời gian ở với chị B là nhiều hơn, các cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn, cả chị B và anh S đều đề nghị được nuôi cả con, việc yêu cầu nuôi con của cả hai bên là chính đáng. Qua xem xét nguyện vọng của hai cháu đều đề nghị được ở với mẹ là chị B. Tuy nhiên, qua lời trình bày và chứng cứ do hai bên xuất trình cũng như trao đổi tại địa phương xác định được hiện nay chị B làm công nhân, thu nhập hàng tháng là 5 triệu đồng, anh S không có nghề nghiệp ổn định chủ yếu đi bốc vác thuê tại các cửa hàng bán gạch, ngói, thu nhập không ổn định. Vì vậy nếu giao cả hai con cho một người nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị B và anh S mỗi người nuôi một con chung của vợ chồng, cụ thể: Chị B trực tiếp nuôi cháu Đào Duy Tr, sinh ngày 19/4/2010, anh S trực tiếp nuôi cháu Đào Hương T, sinh ngày 29/11/2002 là phù hợp với điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Cho nên yêu cầu nuôi con của chị B và anh S cần được chấp nhận. Chị B và anh S được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Xét việc chị B yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị hàng tháng với mức 500.000đ/1 con/ 1 tháng và anh S không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cùng anh S thấy rằng. Việc anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với pháp luật, mặt khác cả chị B và anh S mỗi người đều nuôi một con chung của vợ chồng, khả năng kinh tế của anh S và chị B đều ở mức thu nhập trung bình và tương đương nhau, vì vậy anh S và chị B không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào là phù hợp, vì vậy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị B không được chấp nhận.

[5]. *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức và các quan hệ khác*: chị B và anh S đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[6]. Về án phí: chị Ngô Thúy B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thúy B được ly hôn anh Đào Hải S.

Về con chung: Giao chị Ngô Thúy B trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Đào Hương T, sinh ngày 29/11/2002, anh Đào Hải S trực tiếp nuôi cháu Đào Duy Tr, sinh ngày 19/4/2010. Chị B, anh S không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào do mỗi người nuôi một con chung của vợ chồng. Chị B, anh S được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Ngô Thúy B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001640 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Ngô Thúy B đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thúy B được ly hôn anh Đào Hải S.

Về con chung: Giao chị Ngô Thúy B trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng là cháu Đào Duy Tr, sinh ngày 19/4/2010, anh Đào Hải S trực tiếp nuôi cháu Đào Hương T, sinh ngày 29/11/2002. Chị B, anh S không bên nào phải cấp dưỡng nuôi

con chung cho bên nào cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị B, anh S được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Ngô Thúy B phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001640 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Ngô Thúy B đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BG
- VKSNDHiệp Hoà
- THADS Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Toàn